

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023****Môn: Lịch sử 12**

Chương I. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)
<i>Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949).</i>
I. Hội nghị Ianta (2-1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc.
II. Sự thành lập Liên Hợp quốc. <i>Tập trung vào sự thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và vai trò của Liên Hợp quốc.</i>
Chương II. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)
<i>Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000).</i>
I. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70.
1. Liên xô.
a. Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950).
b. Liên Xô tiếp tục xây dựng xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70).
II.3. Nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.
III. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.
Chương III. Các nước Á, Phi và Mĩ latin (1945 - 2000) (4 tiết)

<i>Bài 3. Các nước Đông Bắc Á</i>
I. Nét chung về khu vực Đông Bắc Á.
II. Trung Quốc
1. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1946 – 1949). <i>(Chỉ tập trung vào sự kiện: Sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện đó.</i>
3. Công cuộc cải cách - mở cửa (từ năm 1978). <i>(Chỉ tập trung vào đường lối, thành tựu nổi bật)</i>
<i>Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ</i>
I. Các nước Đông Nam Á
1. Những biến đổi của Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai
<i>1.1. Giành và bảo vệ độc lập dân tộc. (Lồng ghép 1.b và 1.c. Lào và Campuchia - Chỉ tập trung vào các giai đoạn chính của cách mạng Lào và Campuchia).</i>
<i>1.2. Xây dựng và phát triển kinh tế</i>
<i>1.3. Liên kết khu vực (Asean)</i>
II. Ấn Độ
1. Cuộc đấu tranh giành độc lập.
2. Công cuộc xây dựng đất nước.
<i>Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ la-tinh</i>
1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Châu Phi.
2. Vài nét về cuộc đấu tranh giành, bảo vệ độc lập dân tộc
Chương IV. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000) (3 tiết).

<i>Bài 6. Nước Mĩ</i>
1. Sự phát triển kinh tế Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000.
2. Những thành tựu khoa học – kĩ thuật của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000.
3. Chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000.
<i>Bài 7. Tây Âu</i>
1. Sự phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật Tây Âu từ năm 1945 đến năm 2000.
2. Chính sách đối ngoại của Tây Âu từ năm 1945 đến năm 2000.
3. Liên Minh Châu Âu (EU). <i>Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn không ôn tập</i>
<i>Bài 8. Nhật Bản</i>
1. Sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 2000.
2. Những thành tựu khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 2000.
3. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 2000.
Chương V. Quan hệ quốc tế (1945 - 2000) (2 Tiết).
<i>Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh.</i>
I. Mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của Chiến tranh lạnh.
III. Xu thế hòa hoãn Đông –Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt.
IV. Thế giới sau Chiến tranh lạnh. <i>(Tích hợp với phần II bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000).</i>
Chương VI: Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa (1 tiết).
<i>Bài 10. Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau TK XX.</i>

I. 1. Nguồn gốc, đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
II. Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó.
<i>Bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000.</i>
<b>PHẦN HAI: LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000</b>
Chương I. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 <i>Chủ đề: Sự lựa chọn con đường phát triển lịch sử dân tộc Việt Nam (1919 – 1930) (5 tiết).</i>
I. Hoàn cảnh lịch sử mới
1. Tình hình thế giới và trong nước tác động đến cách mạng Việt Nam.
2. Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất
II. Xu hướng cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản (1919 – 1930).
2. Việt Nam Quốc dân Đảng
3. Tính chất và hạn chế của xu hướng cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
III. Xu hướng cứu nước theo khuynh hướng vô sản.
1. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.
2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
3. Phong trào công nhân 1925 – 1929 (nêu được một số cuộc đấu tranh tiêu biểu và đặc điểm của mốc chính)
4. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời a. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929 b. Hội nghị thành lập Đảng

Chương II. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 (6 tiết)
<i>Bài 14. Phong trào cách mạng 1930 – 1935.</i>
I. Việt Nam trong những năm 1929 - 1933
II. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô Viết Nghệ Tĩnh
1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931
2. Xô Viết Nghệ - Tĩnh
3. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10.1930).
<i>Bài 15. Phong trào Dân chủ 1936 – 1939.</i>
I. Tình hình thế giới và trong nước
1. Tình hình thế giới
2. Tình hình trong nước ( <i>HS tự học</i> )
II. Phong trào Dân chủ 1936 – 1939
1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 - 1936.
2. a. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.
3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào Dân chủ 1936 – 1939.
<i>Bài 16. Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.</i>
I. Tình hình Việt Nam trong những năm 1939 – 1945.
1. Tình hình chính trị
2. Tình hình kinh tế - xã hội

II. Phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9 - 1939 đến tháng 3 - 1945.
1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 - 1939.
3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941).
Mục II.4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền và Mục III.2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa. <i>(Tích hợp thành một mục II.4. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Hướng dẫn HS lập bảng những sự kiện chính).</i>
III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8 - 1945).
3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
a. Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố.
b. Diễn biến của Tổng khởi nghĩa.
IV. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (2 - 9 - 1945).
V. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945.
1. Nguyên nhân thắng lợi
2. Ý nghĩa lịch sử
3. Bài học kinh nghiệm
Chương III. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 (8 tiết).
<i>Bài 17. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946.</i>
I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945.

II. Bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

1. Xây dựng chính quyền cách mạng
2. Giải quyết nạn đói
3. Giải quyết nạn dốt
4. Giải quyết khó khăn về tài chính

III. Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng.

1. Thời kì từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946 (*nhấn mạnh đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng*).

2. Thời kì từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946.

- HẾT -